

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **08/2019/HS-ST.**

Ngày: 13/03/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Tấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Việt Hoài

Ông Trần Huy Liệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Phúc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Quốc Thắng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 56/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2018; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2018/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo:

Giảng Văn V- Sinh năm 1965;

Nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không;
Trình độ văn hóa: 01/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Giảng Văn T(Chết)
và bà Nguyễn Thị Ng – Sinh năm 1931; Bị cáo có vợ: Đường Thị Mỹ L (Chết),
người vợ sau: Nguyễn Thị L – Sinh năm 1970; Con gồm có 05 người: con lớn
nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1997

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú

(Bị cáo có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Thị Yến N – Công ty luật việt X– Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

Địa chỉ: E xxx, đường 11x, khu Ecohome x, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người bị hại: Ông Phạm Văn B – sinh năm 1963(Vắng mặt)

Địa chỉ: E xx, đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tiêu Tường Th - Sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: xxx, đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Văn T – Sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã M, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang

Bà Thị L – Sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã Ph, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người làm chứng

- Ông Trần Quốc T – sinh năm 1972 (có mặt)

- Ông Nguyễn Văn D – Sinh năm 1964 (có mặt)

- Bà Nguyễn Thị L – Sinh năm 1989 (có mặt)

- Ông Lê Văn D – Sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã Mỹ Phước, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang

- Bà Bùi Thị N – Sinh năm 1961 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã M, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang

- Bà Nguyễn Thị R – Sinh năm 1965 (Vắng mặt)

Địa chỉ: xxx, Mạc Cửu, Khu phố x, phường V, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Giảng Văn V có diện tích đất nông nghiệp là 21.421m²(theo giấy chứng nhận QSD đất số AB 234168 cấp ngày 26/8/2005). Ngày 19/4/2008 Giảng Văn V và vợ là Đường Thị Mỹ L chuyển nhượng cho ông Phạm Văn B diện tích đất nêu trên, Vào ngày 23/6/2008 ông B đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận QSD đất số AK 612631 với diện tích 23.267m². Sau khi chuyển nhượng Giảng Văn V không giao đất cho ông B nên 02 bên xảy ra tranh chấp và vụ việc được Tòa án nhân dân huyện H, thụ lý giải quyết bằng bản án dân sự sơ thẩm số 15/2011/DSST, ngày 16/3/2011, theo đó buộc Giảng Văn V trao trả diện tích đất trên cho ông B. Sau khi bản án có hiệu lực, cơ quan thi hành án dân sự huyện Hòn Đất đã cưỡng chế giao đất cho ông Phạm Văn B sử dụng. Tuy nhiên thực tế ông B không canh tác được đất mà vẫn do Giảng Văn V bao chiếm và canh tác đất, sau đó Giảng Văn V cõ diện tích đất trên cho bà Thị L.

Năm 2016, ông B phát hiện diện tích đất của mình không ai sử dụng nên vào lấy đất để canh tác và hợp đồng miệng với ông Trần Văn T về việc canh tác lúa theo kiểu ăn chia, theo đó ông B đầu tư toàn bộ chi phí, ông T đứng ra làm, khi thu hoạch trừ chi phí thì lợi nhuận ông T và ông B chia đôi. Ngày 11/5/2017 ông T mua 350 kg lúa giống DS1 (lúa nhật), cày trực đất và thuê ông Trần Quốc T gieo xạ lúa hết 330 kg, còn 20kg thì để xạ dặm.

Sáng ngày 14/5/2017, ông T thuê ông Danh Th và ông Thủy (không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể) vào xạ dặm những chỗ lúa chết và rải thuốc ốc, đến 11 giờ cùng ngày sau khi phát hiện có người xạ lúa, Giảng Văn V đã thuê 02 người đàn ông lạ mặt (không rõ họ tên, địa chỉ) vào trực bỏ toàn bộ diện tích đất mà ông T đã gieo xạ rồi xạ lại giống khác làm hư hại toàn bộ số lúa mà ông T đã gieo xạ trước đó. Ngày 15/5/2017 ông B đã làm đơn tố giác đến công an xã M và có đơn yêu cầu khởi tố vụ án đối với Giảng Văn V.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 233/KLĐGTS ngày 19/6/2017 của Hội đồng thẩm định giá trong tố tụng hình sự huyện Hòn Đất đã kết luận 350 kg lúa giống DS1.

- Nguyên giá 14.000 đ/kg x 350kg = 4.900.000đ
- Giá trị tài sản bị xâm hại là 4.900.000đ

Tại bản cáo trạng số 01/CT-VKS, ngày 05/12/2018 của Viện kiểm sát

nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo Giảng Văn V về tội “Hủy hoại tài sản” theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 3 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Giảng Văn V mức án từ 03 tháng đến 06 tháng tù giam.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Phạm Văn B yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản là 12.092.000đ, bị cáo chưa bồi thường nên đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố được công bố tại phiên tòa. Tuy nhiên bị cáo trình bày nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo là do đất bị cáo chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị R chứ không phải chuyển nhượng cho ông Phạm Văn B và bị cáo mới chỉ nhận được 200.000.000 đồng, còn lại số tiền 114.000.000 đồng bị cáo chưa nhận được nên bị cáo không đồng ý giao đất nên khi ông Phạm Văn Txa lúa thì bị cáo đã trục bỏ.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa như sau:

Thứ nhất: Cần làm rõ thiệt hại trong vụ án có hay không, nhiều hay ít; ông Tài trình bày lúa giống nhật (DS1) mua của bà Nường nhưng trong hồ sơ không có tài liệu gì để chứng minh đây là giống lúa nhật (DS1); Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 14/5/2017 thể hiện diện tích hủy hoại là 14.500m² chứ không phải là toàn bộ diện tích đất, nếu theo lời khai ông Tài gieo 20kg lúa giống/công (BL 56) thì với diện tích này lượng lúa giống gieo xạ chỉ 290 Kg chứ không phải 350kg

Thứ 2: Về nguyên nhân phạm tội bị cáo không hề mua bán chuyển nhượng đất với ông Phạm Văn B mà là do cán trừ nợ với bà R, Bị cáo Giảng Văn V do thiếu hiểu biết về pháp luật nên mới ký vào hợp đồng chuyển nhượng với ông B chứ thực tế bị cáo không hề có giao dịch gì với ông Phạm Văn B

Thứ 3: Việc yêu cầu bồi thường của bị hại là không có căn cứ do không có hóa đơn chứng từ để chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu bồi thường của phía bị hại

Thứ 4: Mức án mà Viện Kiểm sát đề nghị là quá nghiêm khắc đối với bị cáo, đề nghị hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s, m khoản 1 Điều 51 BLHS.

Thứ 5: Tại biên bản định giá tài sản và Kết luận định giá tài sản số 33 ngày 19/6/2017 của hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Hòn Đất ghi “nguyên giá 14.000đ/kg x 350.000kg = 4.900.000đ”; Giá trị còn lại của tài sản trên bị xâm hại trên là 4.900.000đ; như thế coi như không có thiệt hại tài sản xảy ra.

Bị cáo đồng ý lời bào chữa của luật sư và không có bổ sung gì thêm

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại ông Tiêu Tường Th trình bày: Không thống nhất 02 quan điểm của người bào chữa cho bị cáo:

Thứ nhất: Vị luật sư đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu bồi thường của người bị hại trong đó có tiền lúa giống theo kết luận định giá là 4.900.000 đồng như vậy bị cáo có phạm tội hay không? Thực tế bị cáo tại phiên tòa đã thừa nhận trực bỏ toàn bộ diện tích đất chứ không phải 14.500m² như vị luật sư trình bày.

Thứ hai: Luật sư cho rằng bị cáo không có giao dịch chuyển nhượng đất với ông Phạm Văn B là không có căn cứ vì sự việc này đã được Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử bằng vụ án dân sự, theo bản án dân sự số 15 ngày 16/3/2011 buộc Giảng Văn V trao trả diện tích đất trên cho ông B, bản án này có hiệu lực pháp luật, đây là sự thật không cần phải chứng minh do đó việc chuyển nhượng là có thật.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án: Bị cáo trình bày đã nói hết sự việc không còn trình bày gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hòn Đất, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng mà viện kiểm sát đã truy tố như sau: Khoảng 11 giờ ngày 14/5/2017sau khi phát hiện có người xạ lúa vào phần đất đang tranh chấp, Giảng Văn V đã thuê 02 người đàn ông lạ mặt (không rõ họ tên, địa chỉ) vào trực bỏ toàn bộ diện tích đất mà ông Tđã gieo xạ rồi xạ lại giống khác làm hư hỏng tòa bộ số lúa mà ông T đã gieo xạ trước đó.

Lời khai của bị cáo tại phiên Tòa hôm nay phù hợp với lời khai củangười người bị hại, và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Giảng Văn V đã phạm tội “hủy hoại tài sản” theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất đã truy tố bị cáo Giảng Văn V là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Giảng Văn V là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người trưởng thành có đầy đủ năng lực hành vi và trí tuệ bị cáo phải biết rằng tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, nghiêm cấm ai có hành vi xâm phạm tài sản của người khác một cách trái pháp luật đều bị xử lý nghiêm. Phần đất tranh chấp giữa bị cáo và ông Phạm Văn B đã được Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử nếu bị cáo không đồng ý thì có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định, tuy nhiên sau khi xét xử bị cáo không có kháng cáo mà tiếp tục tranh chấp, tại phiên tòa bị cáo khai nại lý do phạm tội là do phía bà R không giao đủ tiền nên bị cáo tranh cãi dẫn đến phạm tội, lời khai nại này của bị cáo là không phù hợp vì tại bản án dân sự số 15 ngày 16/3/2011 ghi nhận việc bà R trả cho bị cáo số tiền 114.000.000đ, do bị cáo không yêu cầu thi hành án nên bị cáo tự bỏ quyền của mình. Hành vi của bị cáo thể hiện tính coi thường pháp luật, coi thường quyền tài sản của người khác, nên cần có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra và xử phạt bị cáo mức án tù có thời hạn nhằm cải tạo giáo dục bị cáo sống biết tuân thủ pháp luật qua đó nhằm mục đích răn đe và phòng ngừa tội phạm chung

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáodã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại

điểm, khoản 1, điều 51 BLHS, Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt và có thể áp dụng khoản 3 Điều 54 BLHS để xét xử bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[6] Xét lời luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận

[7] Xét lời bào chữa của luật sư bào chữa cho bị cáo HĐXX thấy rằng:

Thiệt hại tài sản trong vụ án này đã được hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hòn Đất kết luận tại bản kết luận định giá số 33 ngày 19/6/2017. Theo đó tài sản xâm hại là loại lúa giống DS1, phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng. Phía bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không có khiếu nại gì nên quan điểm luật sư cho rằng có hay không có thiệt hại và khối lượng bao nhiêu là không có căn cứ.

Kết luận của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Hòn Đất ghi “Nguyên giá 14.000đ/kg x 350.000kg = 4.900.000đ”; “- Giá trị còn lại của tài sản trên bị xâm hại trên là 4.900.000đ” là có lợi cho bị cáo vì chỉ tính thiệt hại lúa giống mà không xem xét đến giá trị của lúa tăng lên sau khi đã gieo xạ.

Về quyền sử dụng đất hiện các bên tranh chấp đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận QSD đất Số AK 612631 với diện tích 23.267m² Vào ngày 23/6/2008 cho ông Phạm Văn B theo quy định của Pháp luật thì phần đất này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Phạm Văn B, hơn nữa vụ việc tranh chấp này đã được Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử bằng bản án có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không phân tích thêm việc chuyển nhượng đất giữa bị cáo và ông Phạm Văn B.

Đối với đề nghị hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm m “phạm tội do lạc hậu” là không phù hợp với quy định của pháp luật nên hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Ông Tiêu Tường Th yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản là 12.090.000đ cho ông Phạm Văn B (gồm: Tiền cày xới: 2.880.000 đồng; tiền chạc đất 510.000đ; Tiền lúa giống 4.900.000đ; Tiền nhân công bơm nước 400.000đ; Tiền dầu: 350.000đ; Tiền công xạ 640.000đ; Tiền thuốc 550.000đ; Tiền phân 640.000đ; Thuốc cỏ bờ 220.000đ; Thối mương nước:

1.000.000đ. Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của người bị hại là có căn cứ, phù hợp với thực tế thiệt hại xảy ra nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm i,s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

1. Tuyên bố bị cáo Giảng Văn V phạm tội “Hủy hoại tài sản”

Xử phạt bị cáo Giảng Văn V 03 (ba) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Căn cứ khoản 1 Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Giảng Văn V bồi thường các khoản cho ông Phạm Văn B số tiền là 12.090.000đ (Mười hai triệu không trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chưa thanh toán số tiền bồi thường nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả

3. Về án phí: áp dụng khoản 2 điều 135, khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH quy định về lệ phí án phí Tòa án;

Bị cáo Giảng Văn V phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 600.000 đ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Phần dân sự: " Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang
- VKSND huyện Hòn Đất
- Cơ quan CSĐT CA huyện Hòn Đất
- Nhà tạm giữ CA huyện Hòn Đất
- Chi cục THA DS huyện Hòn Đất
- Sở Tư pháp
- Bị cáo; bị hại
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quang Tấn